

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ ĐH
TỈNH PHÚ YÊN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HSST

Ngày: 02/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư và ông Lê Thanh Khánh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã ĐH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bùi Ngọc T, Tên gọi khác: LT; Giới tính: Nam, sinh ngày: 28/5/1995 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố PH x, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Cha: Bùi Kim K (chết). Mẹ: Nguyễn Thị NY, sinh năm 1973. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Ngày 30/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) ĐH áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản tại Bản án số 48/2017/HSST. Chấp hành xong bản án ngày 18/12/2020.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/6/2012 UBND huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) ra quyết định số 402/QĐ-UBND đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng tại Trường giáo dưỡng số 3-V26-BCA, chấp hành xong ngày 26/6/2014; Ngày 29/9/2016, Tòa án nhân dân huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) ra Quyết định số 02/2016/QĐ-XLHC đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 09 tháng tại Cơ sở giáo dục bắt buộc A1- Bộ Công an, chấp hành xong ngày 07/6/2017; Ngày 09/9/2015 Công an thị trấn HHT (nay là phường HHT) xử phạt 750.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự tại Quyết định số 0002074/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt; Ngày 15/10/2015 Công an thị trấn HHT (nay là phường HHT) xử phạt 200.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự Quyết định số 0002090/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt; Ngày 02/02/2016, Công an huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) xử phạt 2.500.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự số 0002520/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt; Ngày 30/8/2017, Công an huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) áp dụng hình thức xử phạt chính 2.500.000 đồng và hình phạt bổ sung: tịch thu 01 con

dao có đặc điểm dài 19,5cm, phần cán nhựa màu đen dài 10,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có chiều rộng nhất 2,2cm trong lĩnh vực an ninh trật tự Quyết định số 57/QĐ-XPVPHC, chưa nộp phạt; Ngày 17/4/2023, Công an thị xã ĐH xử phạt 3.000.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự số 76/QĐ-XPHC, đã nộp phạt.

Bị cáo Bùi Ngọc T bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2022

Có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Đại D, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/01/2005 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố PH xx, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Đỗ Tấn L, sinh năm 1969; Mẹ: Lương Thị C, sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đại D: Luật sư Trần Hải Lâm – Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên.

Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Trần Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố PH xx, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Thu N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố PH x, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị NY, sinh năm 1973. Có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Bình T, sinh năm 1996. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Thị Kim Y, sinh năm 1992. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Khu phố PH x, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

4. Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố PH xx, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1. Lê Thị Thanh T, sinh năm 2004

Địa chỉ: Khu phố PH x, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Lý Hồng S, sinh năm 2005

Địa chỉ: Khu phố x, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Trần Phan Kh, sinh năm 2007

Địa chỉ: Khu phố x, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Minh M, sinh năm 2006

Địa chỉ: Khu phố x, phường LĐ, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Lê Thành L, sinh năm 2006

Địa chỉ: Khu phố PH x, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ Lê Thị Thu N, sinh năm 1977 trú tại Khu phố PH x, phường HHT, thị xã ĐH bảo Trần Văn H, sinh năm 1991, trú tại Khu phố PH xx, phường HHT, thị xã ĐH đánh Bùi Ngọc T trước đó nên khoảng 19 giờ 30 ngày 10/11/2022, sau khi nhậu xong, T nảy sinh ý định đánh N nên về nhà lấy một cây rựa dài khoảng 60cm cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại bảo Đỗ Đại D, sinh ngày 16/01/2005 điều khiển xe mô tô biển số 78G1-595.60 chở T đến nhà N. Thấy T cầm rựa từ trong nhà đi ra D hỏi “cầm rựa đi đâu anh” thì T nói “cứ lên xe anh chỉ đường cho đi”, lúc này D biết T đi đánh nhau nhưng vẫn đồng ý chở đi. Khi đến nhà N, T bảo D đứng ngoài cổng chờ, T cầm rựa trên tay phải chạy vào phòng ngủ thấy N và H đang ăn cơm, T cầm rựa chém H 02 nhát trúng vào cẳng tay trái và bàn tay phải, H bỏ chạy ra khỏi phòng, T cầm rựa đuổi theo nhưng không kịp. T quay lại chém N nhiều nhát trúng vào cánh tay trái và cẳng chân trái gây thương tích, sau đó chém vào máy quạt hơi nước hiệu DAICHI của N gây hư hỏng rồi ra xe bảo D chở về nhà. T điều khiển xe mô tô biển số 78G1-595.60 vào tỉnh Khánh Hòa trốn, trên đường đi T vứt cây rựa tại cầu HL thuộc tổ dân phố 15, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa, đến ngày 12/11/2022 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐH đầu thú. H và N bị thương tích được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên.

Tại các bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 434, 435 ngày 11/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Trần Văn H bị thương tích 12%, Lê Thị Thu N bị thương tích 17%. Vật tác động: Vật có cạnh sắc.

Tại các bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 490, 491 ngày 27/12/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Trần Văn H bị thương tích 28%, Lê Thị Thu N bị thương tích 20%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63 ngày 19/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản thị xã ĐH kết luận: 01 quạt điều hòa hơi nước nhãn hiệu DAICHI bị hư hỏng thiệt hại về tài sản trị giá 200.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 cây rựa dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về dân sự: Bị cáo Bùi Ngọc T đã bồi thường cho Trần Văn H 17.000.000 đồng và Lê Thị Thu N 8.000.000 đồng, không ai có yêu cầu bồi thường thêm.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT-VKSDH ngày 10/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T và Đỗ Đại D về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Bùi Ngọc T và Đỗ Đại D khai nhận diễn biến vụ án giống nội dung Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trần Văn H trình bày: Bị cáo T đã bồi thường cho bị hại H 17.000.000 đồng và bị cáo D đã bồi thường cho bị hại H 2.000.000 đồng nên không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào nữa. Về hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lê Thị Thu N trình bày: Bị cáo Bùi Ngọc T đã bồi thường cho chị 8.000.000 đồng để chi phí điều trị còn quạt nước chị đã sửa lại và sử dụng được nên chị không có yêu cầu bồi thường thêm và cũng không yêu cầu bồi thường quạt nước. Về hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị NY trình bày: Lúc trước bà không thấy cây rửa thường chẻ củi đầu nên bà nghĩ T lấy nhưng nay bà kiểm tra lại cây rửa vẫn còn nên rửa T dùng để gây thương tích không phải rửa của gia đình bà, số tiền bà đưa để con gái Bùi Thị Kim Y giao cho H và N bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Bình T trình bày: Ngày 07/11/2022, anh mua xe mô tô biển số 78G1-595.60 của Bùi Ngọc T với giá tiền 20.000.000 đồng, hai bên có viết giấy mua bán. Sau khi mua bán xong thì T không có xe đi nên hỏi mượn lại xe để làm phương tiện đi lại vài ngày, do T là em ruột của chị dâu anh nên anh đồng ý cho T mượn lại, việc T dùng xe của anh đã mua đi gây thương tích cho người khác anh không biết. Ngày 12/11/2022 T đã trả lại xe cho anh, anh không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Kim Y trình bày: Chị là người trực tiếp giao số tiền 10.000.000 đồng cho H và N. Đây là tiền của mẹ chị Nguyễn Thị NY đưa để chị đi bồi thường thay T, chị không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo tại cáo trạng số 20/CT-VKSĐH ngày 10 tháng 5 năm 2023 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự cho bị cáo T, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 06 năm đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/11/2022.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự cho bị cáo D, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Đại D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Trần Văn H và Lê Thị Thu N đã được bồi thường thỏa đáng, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng: 01 cây rửa dài dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Đại D thống nhất các điểm, điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm bị cáo D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, nên phân hóa đồng phạm theo Điều 58 Bộ luật hình sự và áp dụng chương Chương XII Bộ luật hình sự cho bị cáo D để xử bị cáo mức án thấp nhất mang tính chất giáo dục bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã ĐH, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Ngọc T và Đỗ Đại D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, dấu vết để lại tại hiện trường, dữ liệu trích xuất hình ảnh từ camera tại nhà bị hại N, bản kết luận giám định pháp y về thương tích, phù hợp về thời gian, địa điểm, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/11/2022, tại Khu phố PH x, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Bùi Ngọc T đã có hành vi dùng rựa dài khoảng 60cm cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại là hung khí nguy hiểm thực hiện tội phạm có tính chất côn đồ, chém nhiều nhát gây thương tích cho Trần Văn H 28% và Lê Thị Thu N 20%. Đỗ Đại D biết rõ bị cáo T cầm rựa để đi đánh nhau nhưng không can ngăn mà đã giúp sức điều khiển xe mô tô chở T đi thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Rựa là hung khí nguy hiểm, gây tổn hại sức khỏe cho bị hại Trần Văn H 28% và Lê Thị Thu N 20% nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng số 20/CT-VKSĐH ngày 10/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm tính chất giản đơn, xét tính chất mức độ phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

[4.1] Bị cáo Bùi Ngọc T là người chủ mưu, là người trực tiếp dùng rựa chém các bị hại gây thương tích, nảy sinh ý định đánh bị hại N, khi đến nơi thấy có bị hại H, để nhằm mục đích H không cản trở việc bị cáo chém bị hại N nên bị cáo đã chém bị hại H trước, H bỏ chạy ra ngoài bị cáo còn đuổi theo rồi mới quay lại chém bị hại N thể hiện việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách quyết liệt, hung hãn, có tính côn đồ.

[4.1.1] Bị cáo Bùi Ngọc T có 01 tiền án ngày 30/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) ĐH áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản là tội rất nghiêm trọng, chấp hành xong bản án ngày 18/12/2020, chưa hết thời gian để xóa án tích nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 3 Điều 134 BLHS là tội rất nghiêm trọng, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái

phạm nguy hiểm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.1.2] Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị cơ quan nhà nước xử lý hành chính về hành vi vi phạm pháp luật, cụ thể: Ngày 22/6/2012 UBND huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) ra quyết định số 402/QĐ-UBND đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng tại Trường giáo dưỡng số 3-V26-BCA, chấp hành xong ngày 26/6/2014; Ngày 29/9/2016, Tòa án nhân dân huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) ra Quyết định số 02/2016/QĐ-XLHC đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 09 tháng tại Cơ sở giáo dục bắt buộc A1- Bộ Công an, chấp hành xong ngày 07/6/2017; Ngày 09/9/2015 Công an thị trấn HHT (nay là phường HHT) xử phạt 750.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự tại Quyết định số 0002074/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt; Ngày 15/10/2015 Công an thị trấn HHT (nay là phường HHT) xử phạt 200.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự Quyết định số 0002090/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt; Ngày 02/02/2016, Công an huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) xử phạt 2.500.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự số 0002520/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt; Ngày 30/8/2017, Công an huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) áp dụng hình thức xử phạt chính 2.500.000 đồng và hình phạt bổ sung: tịch thu 01 con dao có đặc điểm dài 19,5cm, phần cán nhựa màu đen dài 10,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có chiều rộng nhất 2,2cm trong lĩnh vực an ninh trật tự Quyết định số 57/QĐ-XPVPHC, chưa nộp phạt; Ngày 17/4/2023, Công an thị xã ĐH xử phạt 3.000.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự số 76/QĐ-XPHC, đã nộp phạt. Đã nộp phạt ngày 17/4/2023.

[4.1.3] Giữa bị cáo T và các bị hại H, N không có mâu thuẫn gì với nhau, chỉ vì trước đó bị cáo ngủ tại nhà bị hại N bị đánh nên nghi ngờ N là người sai người khác đánh bị cáo mà bị cáo đến nhà bị hại N để chém N nhưng lại gặp bị hại H ở đó, bị cáo chém bị hại H trước để tránh H cản trở dẫn đến thương tích bị hại H 28% và gây thương tích cho bị hại N 20%. Hành vi của bị cáo T thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật, tính mạng sức khỏe của người khác, dùng rựa là hung khí nguy hiểm để gây án nên bị cáo đã phạm tội cố ý gây thương tích thuộc trường hợp định khung cơ bản là “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” theo điểm a và điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS nên

[4.1.4] Với tính chất, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là sai trái, vi phạm pháp luật, gây thương tích cho H 28% và N 20% không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] Bị cáo Đỗ Đại D phạm tội với vai trò đồng phạm là người giúp sức, có hành vi điều khiển phương tiện chở bị cáo T, tạo điều kiện thuận lợi để T thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo biết rõ T cầm rựa đi đánh nhau với người khác, lẽ ra bị cáo phải can ngăn, khuyên bảo T từ bỏ ý định đi đánh nhau nhưng vì nể nang mối quan hệ xã hội với T nên bị cáo bỏ mặc, khi T bảo chở đi thì bị cáo đồng ý chở đi ngay, ngoài ra trong suốt quá trình chở bị cáo T đi và về thì bị cáo cũng không có bất cứ hành động hay lời nói gì thể hiện sự can ngăn T đánh nhau, không thông báo cho bất

kỳ ai biết việc T cầm rựa đi đánh nhau, bị cáo cũng nhận thức được nếu không có bị cáo chở T đi thì bị cáo T không thể đến được nhà của bị hại N vì bị cáo T quá say, thể hiện sự giúp sức của bị cáo là tích cực. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi mới 17 tuổi 09 tháng 24 ngày, chưa nhận thức được hết tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng Điều 91, 98, 101 Bộ luật hình sự xử bị cáo mức án không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho bị hại H 17.000.000 đồng và bị hại N 8.000.000 đồng, bị cáo D đã bồi thường cho bị hại H 2.000.000 đồng, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo nên cả hai bị cáo T và D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Mặc dù bị cáo D phạm tội lần đầu nhưng bị truy tố ở khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự nên không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Tại phiên tòa bị hại H trình bày đã nhận tiền bồi thường của bị cáo D 2.000.000 đồng, bị cáo D xác định có việc bị cáo bồi thường cho bị hại H 2.000.000 đồng và trong quá trình điều tra bị cáo T đã bồi thường cho bị hại H 17.000.000 đồng và bị hại N 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị hại không có yêu cầu bị cáo nào bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2] Về quạt nước bị hỏng bị hại N đã sửa chữa và sử dụng được, không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Bị cáo T khai nhận trên đường vào Nha Trang bị cáo đã vứt 01 cây rựa dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại tại cầu HL thuộc tổ dân phố 15, thị trấn VG, VN, Khánh Hòa, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã DH đã tiến hành truy tìm tại địa chỉ và mở rộng bán kính 100m nhưng vẫn không tìm thấy cây rựa có đặc điểm như lời khai của bị cáo T nên không thu giữ được. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Đối với trình bày của bị cáo Bùi Ngọc T cho rằng Nguyễn Thị T xúi dục bị cáo chém H và N. Tại phiên tòa bị hại Trần Văn H yêu cầu Hội đồng xét xử làm rõ nội dung này. Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã DH đã làm rõ nhưng ngoài lời khai của bị cáo T ra không còn tài liệu chứng cứ nào thể hiện nội dung như bị cáo T trình bày nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã DH không điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã DH không truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử không có sở để chấp nhận yêu cầu của bị hại Trần Văn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Ngọc T và Đỗ Đại D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/11/2022.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, 98, 101, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đại D 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Không xử lý.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Ngọc T và bị cáo Đỗ Đại D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã ĐH;
- Chi cục THA DS tx. ĐH;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ

